

Bản án số: 52/2018/DS-ST
Ngày 13 tháng 11 năm 2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất;

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 10 và 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên toà số: 85/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số: 45/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh H. (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh H. (có mặt tại phiên toà).

Văn bản uỷ quyền ngày 09 tháng 02 năm 2017.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T – Luật sư.

Nơi làm việc: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn ICC Việt Nam thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt tại phiên toà).

2. Bị đơn: Công ty T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Địa chỉ: N24, khu S, Đường H, phường D, thành phố B. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Mạnh L trình bày:

Qua tiếp xúc, trao đổi với nhân viên của Công ty T do ông Nguyễn Văn C là Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện (sau đây gọi tắt là Công ty), anh Nguyễn Mạnh L có biết về hoạt động của Công ty là Công ty hoạt động hình thức đầu tư, người tham gia đóng tiền vào để hưởng tiền tỷ lệ %, tương ứng với số tiền đóng, việc đóng tiền thông qua hình thức mua hàng hoá của Công ty. Ngày 03/10/2014, anh Nguyễn Mạnh L có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0075553/HĐ-LMTD với Công ty, thực chất là bán hàng đa cấp, chỉ khác về tên gọi, Hợp đồng có thời hạn một năm. Sau khi ký kết hợp đồng anh Nguyễn Mạnh L đã đóng tiền nhiều lần vào Công ty, mỗi lần đóng tiền nhân viên Công ty lại viết Phiếu thu tiền và phiếu đặt hàng, mỗi lần anh Nguyễn Mạnh L lấy hàng ra thì Công ty lại thu lại số phiếu tương ứng. Qua đó, anh Nguyễn Mạnh L đã lấy một lượng hàng hoá nhất định. Ngày 03/10/2015, Hợp đồng hợp tác bán hàng chấm dứt, tính đến thời điểm này anh Nguyễn Mạnh L đã đóng tiền theo hoá đơn và phiếu đặt hàng mà anh chưa lấy hàng hoá ra, vẫn còn lưu giữ Công ty (tương ứng với phiếu thu và phiếu đặt hàng) mà anh đã nộp theo đơn khởi kiện, tổng số tiền là: **1.260.488.000** đồng. Công ty cấp cho anh Nguyễn Mạnh L 01 thẻ Card và 01 thẻ nhân viên mang tên anh Nguyễn Mạnh L No HAD004007

Quá trình tham gia hệ thống bán hàng đa cấp của Công ty đã thanh toán cho anh Nguyễn Mạnh L được số tiền 625.400.000 đồng là tiền tri ân khách hàng theo chính sách của Công ty đề ra.

Ngày 05/11/2016 và ngày 08/12/2016 ông Nguyễn Văn C đã triệu tập và chủ trì 02 cuộc họp tại Thành phố Hồ Chí Minh thông báo bằng miệng với các cộng tác viên là Công ty đã được đổi tên là Công ty TNHH thương mại ANG, không có văn bản nào thông báo về việc này và cũng không hề có sự thỏa thuận thống nhất bằng văn bản của hai bên theo hợp đồng đã ký kết. Trên thực tế, Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Giang cung cấp thì Công ty không hề thay đổi hay sát nhập gì với Công ty TNHH thương mại ANG mà Công ty TNHH thương mại ANG là một công ty khác. Qua đó, thể hiện Công ty đã cố tình lừa dối cộng tác viên và vi phạm hợp đồng đã ký kết. Sau khi được thông báo thay đổi tên Công ty anh Nguyễn Mạnh L liên tục liên lạc với ông Nguyễn Văn C nhưng không liên lạc được.

Nay, anh Nguyễn Mạnh L khởi kiện yêu cầu buộc Công ty phải trả cho anh số tiền nợ gốc là **1.260.488.000** đồng còn nợ, do anh Nguyễn Mạnh L chưa lấy hàng. Tại phiên toà, đại diện cho anh Nguyễn Mạnh L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty phải trả lãi trên số tiền còn phải thanh toán.

Ngày 18/8/2018, đại diện của anh Nguyễn Mạnh L có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0075553/HĐ-LMTD được giao kết giữa Công ty T với anh Nguyễn

Mạnh L là vô hiệu. Buộc Công ty T phải trả lại cho anh Nguyễn Mạnh L số tiền **1.260.488.000** đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án bản tự khai, không đến Tòa án ghi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty T, bao gồm: Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty; Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty và bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty T, Quyết định kết luận: ... “Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP...”. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”.

Ngày 12/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang có Công văn số 1454/TA gửi Công an tỉnh Bắc Giang đề nghị xem xét xử lý về hình sự đối với hành vi bán hàng đa cấp của Công ty T. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh có Phiếu chuyển đơn số 393/PC46 ngày 11/01/2018, trong đó xác định những tài liệu có liên quan do Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang chuyển đến chưa có căn cứ để xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm hình sự. Những đơn của công dân gửi Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang là đơn khởi kiện Công ty T về việc thực hiện cam kết hợp đồng bán hàng, thuộc trách nhiệm thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn là Công ty T đều vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hòa giải được. Ngày 13 tháng 9 năm 2018 và ngày 15 tháng 10 năm 2018 Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa và tạm ngừng phiên tòa do Bị đơn là Công ty T, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

**Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng hợp tác bán hàng giữa Công ty T và anh Nguyễn Mạnh L là vô hiệu, buộc Công ty phải trả cho anh Nguyễn Mạnh L số tiền **1.260.488.000** đồng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên. Việc anh Nguyễn Mạnh L ký hợp đồng

hợp tác bán hàng chỉ nhằm nộp tiền vào Công ty để được hưởng hoa hồng chứ không nhằm mục đích bán sản phẩm là hàng hóa của Công ty hoặc xây dựng hệ thống.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến như sau:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn, chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 122; Điều 123; Điều 128; Điều 137; Điều 388; Điều 389; Điều 410; Điều 412; Điều 424 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357; Điều 468; Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 144; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh L. Tuyên bố Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0075553/HĐ-LMTD giữa Công ty T và anh Nguyễn Mạnh L là vô hiệu. Buộc Công ty T phải trả cho anh Nguyễn Mạnh L số tiền 1.260.488.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về việc tính lãi suất của anh Nguyễn Mạnh L.

Về án phí: Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả anh Nguyễn Mạnh L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Bị đơn là Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T là pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp, có địa chỉ trụ sở đăng ký với Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Giang tại phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang ký hợp đồng hợp tác bán hàng với anh Nguyễn Mạnh L là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh, địa chỉ khi giao kết hợp đồng của Công ty cũng tại thành phố Bắc Giang. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa Công ty T và anh Nguyễn Mạnh L đã ký Hợp đồng Hợp tác bán hàng số 0075553/HĐ- LMTD. Nhiều lần

anh Nguyễn Mạnh L gửi cho Công ty Thông báo đề nghị thanh toán tiền, tuy nhiên Công ty không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh L. Ngày 12/01/2017 anh Nguyễn Mạnh L làm đơn khởi kiện đến Tòa án nên đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dân sự” được quy định tại Điều 388 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung khởi kiện: Xét Hợp đồng Hợp tác bán hàng số 0075553/HĐ- LMTD:*

[2.1]. *Về hình thức của hợp đồng:* Hai bên ký hợp đồng hợp tác bán hàng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên khi giao kết, phù hợp theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2]. *Về nội dung của hợp đồng:* Theo hợp đồng Hợp đồng Hợp tác bán hàng số 0075553/HĐ- LMTD thì anh Nguyễn Mạnh L là cộng tác viên bán hàng của Công ty T. Sau khi ký hợp đồng, anh Nguyễn Mạnh L đã đóng tiền mặt cho Công ty để mua nhiều mã hàng theo hợp đồng. Quá trình nộp tiền, Công ty đã thanh toán cho anh Nguyễn Mạnh L được số tiền 625.400.000 đồng, là tiền tri ân khách hàng theo chính sách của Công ty đề ra, còn lại 1.260.488.000 đồng tương ứng với số hoá đơn và phiếu đặt hàng mà anh chưa lấy hàng hoá ra, vẫn còn lưu giữ Công ty (tương ứng với phiếu thu và phiếu đặt hàng) mà anh đã nộp theo đơn khởi kiện. Tuy nhiên, Hợp đồng không quy định rõ các nội dung về: Tên, công dụng, cách thức sử dụng, giá bán, các điều kiện và phạm vi bảo hành (nếu có), chính sách đổi, mua lại hàng hóa nên đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Anh Nguyễn Mạnh L khi tham gia ký kết hợp đồng chỉ nhằm nộp tiền vào Công ty để được hưởng hoa hồng chứ không nhằm mục đích bán sản phẩm là hàng hóa của Công ty hoặc xây dựng hệ thống. Thực tế, anh Nguyễn Mạnh L không nhận hàng của Công ty mang đi bán để tạo doanh số cho mình. Anh Nguyễn Mạnh L đã nộp tiền cho Công ty, như vậy vi phạm điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Căn cứ Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu: “Giao dịch dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu”.

- Tại Điều 7 của Hợp đồng hợp tác bán hàng quy định: “*Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã quy định trong hợp đồng, mọi thay đổi sẽ được hai bên chấp thuận bằng văn bản và thể hiện qua phụ lục hợp đồng, phải được sự thống nhất của hai bên*”. Mặc dù, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, nhưng Công ty không thông báo cho các Cộng tác viên trong đó có anh Nguyễn Mạnh L biết, khóa tài khoản hoạt động của anh Nguyễn Mạnh L. Tại Điều 424 Bộ luật dân sự 2005 quy định về chấm dứt hợp đồng dân sự: “*Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân hoặc chủ thể khác*

chấm dứt mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân hoặc chủ thể đó thực hiện”. Vậy hợp đồng Hợp tác bán hàng giữa Công ty và anh Nguyễn Mạnh L đã chấm dứt từ ngày 03/10/2016 là ngày Cục quản lý cạnh tranh Bộ Công thương thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Như vậy, xét về mục đích và nội dung thì hợp đồng Hợp tác bán hàng số 0075553/HĐ-LMTD giữa Công ty T và anh Nguyễn Mạnh L trái với quy định của pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 122, Điều 123, Điều 128, Điều 410 Bộ luật dân sự năm 2005. Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu của anh Nguyễn Mạnh L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.3]. Sau khi ký Hợp đồng Công ty và anh Nguyễn Mạnh L đã thực hiện một số quyền và nghĩa vụ, cụ thể anh Nguyễn Mạnh L đã nhận hàng hóa . Số tiền còn lại Công ty chưa trả hàng, Công ty đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh hàng đa cấp và hợp đồng giữa các bên là vô hiệu. Căn cứ Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 về hậu quả pháp lý của Hợp đồng dân sự vô hiệu tại khoản 2 quy định *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền...”*.. Do vậy, yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh L về việc đòi số tiền còn nợ lại theo phiếu đặt hàng là 1.260.488.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. *Về yêu cầu lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn nợ tại thời điểm chậm thanh toán*: Tại đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 18/8/2017 đại diện nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh L đã rút yêu cầu này, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu bồi thường tính lãi suất, việc rút yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trên của anh Nguyễn Mạnh L.

[5]. Đối với số hàng hóa mà anh Nguyễn Mạnh L đã nhận của Công ty và đã sử dụng hết, nay anh Nguyễn Mạnh L không có tài liệu chứng cứ chứng minh và không có yêu cầu gì đối với số hàng hóa này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. *Đối với số tiền 625.400.000 đồng anh Nguyễn Mạnh L được nhận từ Công ty khi tham gia bán hàng đa cấp*: Anh Nguyễn Mạnh L không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án Công ty Cổ phần liên minh tiêu dùng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh L, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về số tiền này. Sau này, khi có tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án độc lập khác.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh L được chấp nhận. Nên Công ty T phải chịu 300.000 đồng án phí về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng dân sự vô hiệu và 49.814.000 đồng đối với số tiền phải trả anh Nguyễn Mạnh L, tổng

cộng là 50.114.000 đồng theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 122; Điều 123; Điều 128; Điều 137; Điều 388; Điều 389; Điều 410; Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố Hợp đồng Hợp tác bán hàng số 0075553/HĐ- LMTD giữa Công ty T và anh Nguyễn Mạnh L là vô hiệu.

2. Buộc Công ty T phải trả cho anh Nguyễn Mạnh L số tiền 1.260.488 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn nợ của anh Nguyễn Mạnh L.

4. Về án phí:

- Buộc Công ty T phải chịu 50.114.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại anh Nguyễn Mạnh L số tiền 27.034.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06158 ngày 03/4/2017 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06312 ngày 18/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Nguyễn Trần Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

